

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-PT
Ngày 31 - 3 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thanh Danh

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 5, ấp M, xã N, huyện O, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị A: Ông E - Luật sư của Văn phòng Luật sư E thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông C, sinh năm 1958 (có mặt)

2. Bà D, sinh năm 1969 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn chị A.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 26/01/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về hôn nhân: Chị A và anh B chung sống với nhau vào năm 2018, hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện O, tỉnh An Giang. Nguyên nhân ly hôn là do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau, cuộc sống luôn căng thẳng, không hạnh phúc. Ngoài ra, chị A còn cho rằng anh B thường uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm gia đình, vợ chồng cũng đã nhiều lần hòa giải để tiếp tục chung sống nhưng không thành. Anh B thống nhất với lời trình bày của chị A về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, ngoài ra còn cho rằng chị A không minh bạch với anh về tiền bạc. Nay chị A và anh B đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, tiếp tục chung sống cũng không còn hạnh phúc nên chị A yêu cầu ly hôn và anh B cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị A và anh B có 01 người con chung là G, sinh ngày 18/9/2018, hiện nay đang sống cùng ông C và bà D là cha mẹ ruột của anh B. Khi ly hôn, chị A và anh B đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ: Chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C trình bày:*

Ông C và vợ là bà D đang nuôi cháu G là con ruột của anh B và chị A. Hiện nay chị A và anh B ly hôn, ông yêu cầu giải quyết việc nuôi cháu G theo quy định của pháp luật, Tòa án giải quyết giao cháu G cho ai thì ông tự nguyện giao theo quyết định của Tòa án. Tuy nhiên, nguyện vọng của ông muốn giao cháu G cho anh B nuôi dưỡng để ông có thể phụ giúp chăm sóc cháu G được chu đáo.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D trình bày:*

Bà cùng chồng là ông C đang nuôi cháu G là con ruột của anh B và chị A. Hiện nay chị A và anh B ly hôn, bà yêu cầu giải quyết việc nuôi cháu G theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A với anh B.

2. Về con: Buộc chị A, ông C và bà D có nghĩa vụ giao cháu G, sinh ngày 18/9/2018 cho anh B nuôi dưỡng. Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng anh B không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị A và anh B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 12/01/2021, nguyên đơn chị A kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc anh B giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 26/01/2021, nội dung kháng nghị là đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm về nuôi con chung, chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị A.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của Luật sư E: Cấp sơ thẩm giao con chung của chị A, anh B cho anh B nuôi dưỡng là chưa phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình do cháu G, sinh ngày 18/9/2018 chưa tròn 36 tháng tuổi, điều kiện kinh tế của chị A đảm bảo nuôi con, đề nghị chấp nhận kháng cáo của chị A, sửa một phần Bản án số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bạc Liêu, chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, chấp nhận kháng cáo của chị A, sửa một phần Bản án số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bạc Liêu, chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Theo Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bạc Liêu xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A với anh B. Xét thấy, chị A và anh B không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với nội dung này nên nội dung này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét nội dung kháng cáo của chị A yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Cháu G, sinh ngày 18/9/2018, tính đến ngày xét xử sơ thẩm và phúc thẩm cháu G chưa tròn 36 tháng tuổi, việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện của người nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung. Xét thấy, chị A và anh B đều có thu nhập ổn định, đều đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi con. Pháp luật quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là nghĩa vụ và quyền của cả cha và mẹ. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Đối với cháu G dưới 36 tháng tuổi, lại là con gái nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ. Cấp sơ thẩm cho rằng chị A còn có nghĩa vụ nuôi dưỡng mẹ già và người con riêng tên H, tiền lương hàng tháng của chị A trung bình khoảng 8.000.000 đồng, số tiền này chị dùng lo cho bản thân, mẹ ruột và người con riêng nên không đảm bảo việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu G, nhận định này là chưa đảm bảo khách quan, không đánh giá toàn diện điều kiện nuôi dưỡng con chung và đảm bảo tốt nhất cho người con. Xét thấy, chị A đã chứng minh được bản thân chị đủ điều kiện nuôi con với mức lương ổn định, không phải nuôi mẹ già, còn cháu H học giỏi có học bổng nên với mức thu nhập ổn định của chị hiện tại đủ trang trải và nuôi dưỡng cháu G. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị A cung cấp xác nhận của Công đoàn Công ty Pouyuen Việt Nam nơi chị đang làm việc đồng ý cho cháu G được học tại Trường Mầm non của Công ty (Mặt trời nhỏ) nên điều kiện học tập của cháu sẽ đảm bảo hơn. Anh B không chứng minh được chị A không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu G. Bản thân anh B thừa nhận nếu được giao cháu G thì cũng gửi cháu cho ông C, bà D trực tiếp chăm sóc. Do đó, đủ căn cứ buộc anh B, ông C và bà D giao cháu G cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của cháu G.

[4] Nếu trong quá trình chị A trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh B có căn cứ cho rằng người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị A: Như đã phân tích trên, đủ căn cứ xác định chị A đủ điều kiện đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu G, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cháu G dưới 36 tháng tuổi nên cần chấp nhận yêu cầu của chị A xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu G. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q.

[6] Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị A: Luật sư đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị A. Như đã phân tích trên, có căn cứ xác định chị A đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, do đó, có căn cứ chấp nhận ý kiến của Luật sư, sửa bản án Hôn nhân sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bạc Liêu về việc nuôi con chung, giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm, chị A không phải chịu. Chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011515 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Bạc Liêu về việc nuôi con chung. Chấp nhận kháng cáo của chị A. Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A với anh B.

2. Về con chung: Buộc anh B, ông C và bà D có nghĩa vụ giao cháu G, sinh ngày 18/9/2018 cho chị A nuôi dưỡng. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị A không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị A và anh B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị A phải chịu số tiền 300.000 đồng, chị A đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008177 vào ngày 07/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q được chuyển thu án phí.

Án phí phúc thẩm chị A không phải nộp, chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0011515 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện Q (01 bản);
- CCTHADS huyện Q (01 bản);
- Các đương sự (04 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt